

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HS-ST
Ngày 11-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

T2phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Quán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đỉnh và ông Nguyễn Ngọc Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Văn Q (Tên gọi khác: Không). Giới tính: Nam.

Sinh ngày 20/05/1986 tại huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKKHKT: Thôn KG, xã ĐA, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Nơi ở hiện tại: Số nhà 295 đường LKT, tổ 6 phường CL, thành phố LC, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: Lớp 9/12;

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Đặng Văn Q1 và con bà Đỗ Thị H.

Bị cáo có vợ là Triệu Thị N và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2022 và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Lào Cai.

2. Họ và tên: Triệu Thị N (Tên gọi khác: Không). Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 25/02/1991 tại huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKKHKT: Thôn KG, xã ĐA, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Nơi ở hiện tại: Số nhà 295 đường LKT, Tổ 6 phường CL, thành phố LC, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: Lớp 9/12;

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Triệu Trung Ch và con bà Đặng Thị L.

Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Bị cáo có chồng là Đặng Văn Q và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/8/2022 đến nay tại Tổ 6 phường CL, Thành phố LC, tỉnh Lào Cai.

3. Họ và tên: Đỗ Văn Th (Tên gọi khác: Không). Giới tính: Nam.

Sinh ngày 02/10/1985 tại tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 10, xã NS, huyện NH, tỉnh Nam Định. Nơi ở: Tổ 6 phường CL, thành phố LC, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12;

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Đỗ Văn U, con bà Vũ Thị K;

Bị cáo có vợ là Lưu Thị D và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2022 và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Lào Cai.

4. Họ và tên: Lò Văn T1 (Tên gọi khác: Không). Giới tính: Nam.

Sinh ngày 12/06/2000 tại huyện TG, tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản B, xã CD, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12;

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Lò Văn Th1 và con bà Đường Thị H1;

Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ, con: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2022 và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Lào Cai.

5. Họ và tên: Đỗ Văn T2 (Tên gọi khác: Không). Giới tính: Nam.

Sinh ngày 12/8/1978 tại xã NS, huyện NH, tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 10, xã NS, huyện NH, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện tại: Tổ 4 phường CL, thành phố LC, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12;

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Đỗ Văn U và con bà Vũ Thị K;

Bị cáo có vợ là Trần Thị H3 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/10/2022 đến ngày 17/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại.

6. Họ và tên: Đỗ Văn T4 (Tên gọi khác: Không). Giới tính: Nam.

Sinh ngày 10/9/1994 tại xã QK, huyện BX, tỉnh Lào Cai.

Nơi ĐKKTT và nơi ở: Thôn LH, xã QK, huyện BX, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12;

Tiền án, tiền sự; Không.

Nhân thân: Năm 2012 bị TAND thành phố LC xử phạt 06 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Hiện đã thi hành xong bản án và đã được xóa án tích.

Con ông Đỗ Văn V và con Nguyễn Thị T4.

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Ch1 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2022 đến ngày 17/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho các bị cáo Đặng Văn Q, Triệu Thị N và Đỗ Văn Th: Ông Lê Trường S, Luật sư, Công ty luật hợp danh TV, Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn Thuận: Bà Nguyễn Thị Thu H5, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Tòng Thị T6 - Trú tại: Thôn BC, xã QC, huyện TG, tỉnh Điện Biên.
2. Chị Lò Thị H7 – Trú tại: Bản B 3, xã CĐ, huyện TG, tỉnh Điện Biên.
3. Chị Lò Thị Th - Trú tại: Bản B 2, xã CĐ, huyện TG, tỉnh Điện Biên.
4. Anh Phạm Xuân T8 – Trú tại: Tổ 15, phường NC, thành phố LC, tỉnh Lào Cai.

5. Chị Triệu Thị M1 – Trú tại: Thôn PS, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai.
6. Chị Đỗ Thị B3 – Trú tại: Thôn ĐT, xã ĐĐ, huyện VL, tỉnh Hưng Yên.
7. Anh Nguyễn Đức Đ5 – Trú tại: Thôn ĐA, xã ĐA, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

(Những người liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016 Đặng Văn Q cùng vợ là Triệu Thị N lên thành phố LC, tỉnh Lào

Cai sinh sống tại số nhà 295, đường LKT, Tổ 6, phường CL, thành phố LC. Quá trình sinh sống Q nảy sinh ý định tuyển gái bán dâm về ở sinh hoạt cùng vợ chồng Q để khi có khách đến hỏi mua dâm thì vợ chồng Q đưa gái bán dâm đến các nhà nghỉ, khách sạn trên địa bàn Thành phố LC, mục đích để bán dâm. Sau khi tuyển dụng được một số gái bán dâm, Q đứng ra thỏa T1 với gái bán dâm là vợ chồng Q có trách nhiệm nuôi ăn, ở, cung cấp bao cao su và bố trí người đưa đón gái bán dâm đi đến các nhà nghỉ, khách sạn để họ bán dâm cho khách, số tiền thu được (trừ hết các chi phí tiền phòng, tiền taxi....) sẽ chia đôi. Đầu năm 2020, vợ chồng Q mua thêm căn nhà số 296, đường LKT, phường CL, Thành phố LC để cho gái bán dâm ở và sinh hoạt. Đầu tháng 02/2021 vợ chồng Q thuê Đỗ Văn Th đến làm cho Q với công việc hàng ngày đưa đón gái bán dâm đến các nhà nghỉ, khách sạn để họ bán dâm và thu tiền của khách mua dâm, sau đó đưa lại cho Q, vợ chồng Q sẽ có trách nhiệm bố trí chỗ ăn, ở và trả tiền công cho Th là 5.000.000đ/tháng. Sau khi Th đến làm, Q giao cho Th 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21E1-388.31 và 01 điện thoại OPPO - A16 màu xanh lắp 01 sim số thuê bao 0989433718 để nhận các cuộc điện thoại và tin nhắn của Q gọi đến thông báo số điện thoại của khách mua dâm, tên nhà nghỉ, số phòng nghỉ và giá tiền mua bán dâm do Q thỏa T1 với khách từ trước với hình thức bán dâm đi nhanh từ 300.000đ đến 400.000đ/khách, bán dâm theo tiếng từ 500.000đ đến 600.000đ/khách và bán dâm qua đêm từ 1.000.000đ đến 1.200.000đ/khách. Trường hợp Q chưa thỏa T1 giá tiền bán dâm với khách mua dâm thì Th sẽ trực tiếp làm giá và thu tiền về đưa lại cho Q.

Ngày 24/11/2021 Đỗ Văn T2 là em họ của Q lên Thành phố LC thuê nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi của anh Nguyễn Hữu H7, địa chỉ tại số 163 đường ĐC Tổ 4, phường CL, Thành phố LC, tỉnh Lào Cai để kinh doanh nhà nghỉ. Sau khi nhà nghỉ đi vào hoạt động T2 thuê Nguyễn Đức Đ5 (sinh năm 1985, trú tại thôn ĐA, xã ĐA, huyện VY, tỉnh Yên Bái) làm dọn dẹp phòng nghỉ mỗi tháng trả 5.000.000đ tiền công cho Đ5. Sau khi nhà nghỉ đi vào kinh doanh được khoảng 02 tháng, Q bàn với T2 cho Q sử dụng nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi để làm nơi chứa gái mại dâm, T2 đồng ý. Sau đó Q thống nhất với T2 hàng ngày khi có khách đến hỏi mua dâm thì T2 thông báo cho Q biết để Q bố trí Th chở gái bán dâm đến nhà nghỉ để họ bán dâm, tiền mua bán dâm do Q trực tiếp làm giá với khách, bán dâm đi nhanh từ 300.000đ đến 350.000đ/khách, bán dâm qua đêm từ 800.000đ đến 1.200.000đ/khách, số tiền thu được Q sẽ thanh toán tiền thuê phòng cho T2 từ 50.000đ đến 100.000đ/khách và T2 là người thu tiền của khách mua dâm giúp Q rồi ghi vào sổ theo dõi, khoảng 20 ngày hoặc 01 tháng thì thanh toán cho Q. Quá trình điều tra xác định từ ngày 08/06/2022 đến ngày 08/08/2022, Q đã nhiều lần bảo Th chở gái bán dâm đến nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi để T2 bố trí phòng để họ bán dâm cho khách. Trong thời gian trên Triệu Thị N cũng có 01 đến 02 lần chở gái bán dâm đến nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi để bán dâm.

Khoảng giữa năm 2022, vợ chồng Q thuê thêm căn nhà số 259 đường NS, Tổ 32, phường CL, Thành phố LC, tỉnh Lào Cai của bà Nguyễn Thị Bích (sinh năm 1966, trú tại Tổ 7, phường CL, Thành phố LC) để làm nơi ở cho gái bán dâm để khi khách có nhu cầu mua dâm gọi điện đến thì Q sẽ bảo Th chở gái bán dâm đến địa điểm nhà nghỉ, khách sạn theo sự chỉ đạo của Q. Để có người đưa đón gái bán dâm Q bảo Nguyễn Đức Đ5 sang làm cho Q, công việc là đưa đón gái bán dâm đi các nhà nghỉ để họ bán dâm, Q có trách nhiệm bố trí nơi ăn, ở và phương tiện cho Đ5 đi lại tiền công trả 6.000.000đ/tháng, Đ5 đồng ý. Sau đó Q giao cho Đ5 01 xe máy Honda Wave màu đỏ không nhớ biển số, 01 điện thoại lắp sim có số thuê bao 0857824222 để nhận tin nhắn và các cuộc điện thoại của Q thông báo về việc đưa đón gái bán dâm đi các nhà nghỉ. Trong thời gian Đ5 làm cho Q do gia đình có việc nên Đ5 thường xuyên xin nghỉ nên đến cuối tháng 7/2022 Đ5 nghỉ không làm cho Q nữa. Đến ngày 18/7/2022, Q thuê Lò Văn T1 đến làm cho Q công việc của T1 là đưa đón gái bán dâm như Th, tiền công Q trả cho T1 là 5.000.000đ/tháng, T1 đồng ý. Q giao cho T1 01 xe mô tô biển kiểm soát 21E1 - 562.05 để sử dụng cho việc chở gái bán dâm đến các nhà nghỉ, khách sạn để bán dâm cho khách, sau khi bán dâm xong T1 lại chở gái bán dâm về số nhà 259 đường Nhạc Sơn. Trong thời gian từ 18/07/2022 đến ngày 03/08/2022 T1 đã nhiều lần chở gái bán dâm đến nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi và một số khách sạn khác trên địa bàn Thành phố LC để bán dâm.

Ngày 08/08/2022 Đỗ Văn T4 là người quen với T2 đến nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi chơi, tại đây T2 nói gia đình có việc phải về Nam Định nhờ T4 trông hộ nhà nghỉ M1 ngày T4 đồng ý. Sau đó T2 dặn T4 nếu khách đến nghỉ theo giờ giá 70.000đ/1/Tiếng, khách nghỉ qua đêm giá 200.000đ 1/đêm, nếu khách đến nghỉ có nhu cầu gái bán dâm thì gọi điện cho Đặng Văn Q để Q điều gái bán dâm đến, tiền mua bán dâm do Q thỏa T1 với khách, T4 sẽ thu tiền rồi ghi vào sổ, khi nào T2 lên sẽ thanh toán với Q. Sau khi dặn T4 xong, T2 gọi điện cho Q nói T2 có việc phải về Nam Định và bảo Q chuyển số tiền T2 đã bố trí cho khách mua bán dâm tại nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi trước đó. Q đồng ý và bảo Triệu Thị N chuyển số tiền 26.000.000đ vào tài khoản cho T2, sau đó T2 bắt xe khách đi về Nam Định.

Đến khoảng 20 giờ ngày 08/08/2022 Q đang ngồi uống nước ở quán đầu cầu CL, Thành phố LC thì thấy Phạm Xuân T8 và Nguyễn Đức C gọi điện cho Q bảo cho 02 gái bán dâm đến nhà nghỉ TA địa chỉ (số 236 đường LKT, Tổ 8, phường DH, Thành phố LC) để mua dâm Q đồng ý. Sau đó Q gọi điện cho Th bảo chở 02 gái bán dâm đến nhà nghỉ TA để bán dâm cho khách và bảo Th tự làm giá với khách. Th đồng ý rồi điều khiển xe mô tô biển số 21E1-388.31 chở Tòng Thị H và Tòng Thị T6 đến nhà nghỉ T2An gặp T8 và Cường. Tại đây Th thỏa T1 với T8 giá tiền bán dâm là 350.000đ/1 khách, Tiền đồng ý và đưa cho Th 700.000đ. Sau đó T8 đưa Hiệu lên phòng nghỉ 302, còn Cường đưa T6 lên phòng

303 để quan hệ tình dục, trong khi đang quan hệ tình dục thì bị Tổ công tác phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lào Cai kiểm tra, phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Khoảng 20 giờ 30 cùng ngày T4 đang quản lý nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi thì thấy Lục Xuân Cương và Lý Văn Luân đến hỏi ở đây có gái bán dâm không thì T4 nói có, sau đó T4 thỏa T1 với Luân giá bán dâm đi nhanh là 400.000 đồng/1 khách. Luân đồng ý nên T4 gọi điện cho Q thì thấy Th nghe máy, T4 bảo Th cho 02 gái bán dâm đến nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi để bán dâm cho khách. Th đồng ý rồi bảo T1 chờ Lò Thị Hương và Lò Thị H7 đến nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi để bán dâm, T1 đồng ý rồi điều khiển xe mô tô biển số 21E1-562.05 chở Hương và Hoàn đến nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi rồi đi về số nhà 259 đường Nhạc Sơn nghỉ. Sau đó Luân đưa cho T4 800.000đ, sau khi nhận được số tiền trên T4 bảo Cương đưa Hương lên phòng số 201 và Luân đưa H7 lên phòng số 202 để quan hệ tình dục. Trong khi đang quan hệ tình dục thì bị Tổ công tác phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lào Cai T8 hành kiểm tra, phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Quá trình điều tra xác định trong thời gian từ 08/06/2022 đến ngày 08/08/2022 theo sổ ghi chép của T2 tổng số tiền thu được từ việc chứa mại dâm tại nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi là 293.750.000đ và đã giao lại cho Q. Sau khi nhận được số tiền trên Q thanh toán cho gái bán dâm là 50%, số tiền còn lại là 146.875.000đ Q đã thanh toán tiền công cho Th 5.000.000đ, thanh toán tiền phòng nghỉ cho T2 26.000.000đ, đối với số tiền công của T1 hiện Q chưa thanh toán. Quá trình điều tra Đặng Văn Q, Triệu Thị N, Đỗ Văn Th, Lò Văn Thuận, Đỗ Văn T4 và Đỗ Văn T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận giám định số 68/GĐTL-PC09 ngày 26/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, giám định chữ viết, chữ số đối với tài liệu là 01 quyển “Sổ kế toán tổng hợp” bìa màu xanh, nhãn hiệu MINH CHÂU, giấy khổ A4 loại 320 trang cả bìa (thu giữ tại phòng khách số nhà 295 của Đặng Văn Q) kết luận: Chữ viết, chữ số trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 với chữ viết, chữ số của Đặng Văn Q trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người viết ra.

Tại bản Kết luận giám định số 73/GĐTL - PC09 ngày 23/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, giám định chữ viết, chữ số đối với tài liệu là 01 quyển sổ mặt bìa có in chữ “GIÁO ÁN DÒNG KẼ NGANG” bên trong các trang sổ có ghi nhiều chữ, số; Loại sổ 200 trang, nhãn hiệu “HẢI T8” (Đỗ Văn T4 giao nộp ngày 08/8/2022 tại nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi) kết luận: Chữ viết, chữ số trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (trừ chữ viết, chữ số viết tại: dòng thứ 4, 16, 19, 20, từ dòng 22 đến dòng 35 của trang số 1; Dòng 1, 3, 4, 5 của trang số 2; Dòng 13, 14 của trang số 5; dòng 1, 2 của trang số 7; Từ dòng 17 đến dòng 20 của trang số 11; Dòng 25 của trang số 14; Trang số 15, 16, 17, 18;

Từ dòng 1 đến dòng 5 của trang số 19; Dòng 13 của trang số 34; Trang số 51. Ghi chú: Số thứ tự các dòng được tính từ trên xuống dưới của mỗi trang) với chữ viết, chữ số của Đỗ Văn T2 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người viết ra.

Tại bản Kết luận giám định số 01/GĐTL-PC09 ngày 27/12/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, giám định chữ số, chữ viết đối với tài liệu là 01 quyển sổ mặt bìa có in chữ “GIÁO ÁN DÒNG KẼ NGANG” bên trong các trang sổ có ghi nhiều chữ, số; loại sổ 200 trang, nhãn hiệu “HẢI T8” (Đỗ Văn T4 giao nộp ngày 08/8/2022 tại nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi) kết luận: Chữ viết, chữ số viết tại các dòng từ dòng thứ 16 đến dòng thứ 32 (*số thứ tự các dòng được tính từ trên xuống dưới*) của trang số 16 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 với chữ viết, chữ số của Đỗ Văn T4 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người viết ra.

Bản cáo trạng số 17/CT-VKS-P2 Lào Cai, ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố Đặng Văn Q về các tội “*Chứa mại dâm*” và “*Môi giới mại dâm*” theo điểm c, g khoản 2 Điều 327 và điểm đ khoản 2 Điều 328; Triệu Thị N về tội “*Chứa mại dâm*” theo điểm c, g khoản 2 Điều 327; Đỗ Văn Th về các tội “*Chứa mại dâm*” và tội “*Môi giới mại dâm*” theo điểm c khoản 2 Điều 327 và điểm đ khoản 2 Điều 328; Đỗ Văn T2 và Lò Văn T1 về tội “*Chứa mại dâm*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327; Đỗ Văn T4 về tội “*Chứa mại dâm*” quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã tóm tắt ở trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai trình bày lời luận tội và tranh luận, giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn Q, Đỗ Văn Th phạm các tội “*Chứa mại dâm*” và tội “*Môi giới mại dâm*”; các bị cáo Triệu Thị N, Đỗ Văn T2, Lò Văn T1 và Đỗ Văn T4 phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

- Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 327; điểm đ khoản 2 Điều 328, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 55 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Văn Q mức án từ 07 - 08 năm tù về tội Chứa mại dâm; 04 – 05 năm tù về tội Môi giới mại dâm. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đặng Văn Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 11 - 13 năm tù.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; điểm đ khoản 2 Điều 328 điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 55 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Th mức án từ 06 – 07 năm tù về tội Chứa mại dâm; 03 – 04 năm tù về tội Môi giới mại dâm. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đỗ Văn Th phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 – 11 năm tù.

- Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Thị N mức án từ 06 – 07 năm tù về tội Chứa mại dâm.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T2 mức án từ 05 – 06 năm tù về tội Chứa mại dâm.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn T1 mức án từ 05 – 06 năm tù về tội Chứa mại dâm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T4 mức án từ 01 – 01 năm 05 tháng tù về tội Chứa mại dâm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định .

Người bào chữa cho các bị cáo Đặng Văn Q, Triệu Thị N và Đỗ Văn Th phát biểu quan điểm bào chữa: Nhất trí với quan điểm của đại diện VKSND về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T1 phát biểu quan điểm bào chữa: Nhất trí với quan điểm của đại diện VKSND về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lò Văn T1 mức án là 05 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T8 hành tố tụng, người T8 hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T8 hành tố tụng, người T8 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Do muốn có tiền để tiêu sài, năm 2016 Đặng Văn Q cùng với vợ là Triệu Thị N lên Lào Cai sinh sống và bàn bạc với nhau tuyển gái bán dâm về nuôi tại nhà để khi có khách có nhu cầu mua dâm sẽ điều gái đến nhà nghỉ để bán dâm, Q thu tiền của khách mua dâm theo thỏa T1 và trích 50% chi trả cho gái bán dâm. Sau đó Đặng Văn Q đã thỏa T1 thống nhất với Đỗ Văn T2 sử dụng nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi (Nhà nghỉ do T2 thuê để kinh doanh) làm nơi chứa mại dâm,

đồng thời Q thuê Đỗ Văn Th và Lò Văn T1 đến giúp Q làm người chở gái bán dâm từ nơi ở đến nhà nghỉ để bán dâm. Trong thời gian trên, do Đỗ Văn T2 có việc nên T2 đã nhờ Đỗ Văn T4 quản lý và thực hiện việc sắp xếp cho 02 gái bán dâm vào ngày 08/8/2022. Theo kết quả điều tra, đã xác định từ ngày 08/6/2022 đến ngày 08/8/2022 Đặng Văn Q, Đỗ Văn T2 đã tổ chức chứa mại dâm rất nhiều lần, tổng số tiền thu được từ việc chứa mại dâm tại nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi là 293.750.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền trên Q thanh toán cho gái bán dâm là 50%, số tiền còn lại là 146.875.000 đồng Q đã thanh toán tiền công cho Th 5.000.000 đồng, thanh toán tiền phòng nghỉ cho T226.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 08/8/2022, khi có người gọi tìm gái bán dâm đưa đến Nhà nghỉ T2An để mua dâm, Đặng Văn Q đã chỉ đạo Đỗ Văn Th dùng xe máy đưa 02 gái bán dâm đến nhà nghỉ TA để gái bán dâm thực hiện việc mua bán dâm.

Hành vi của các bị cáo Đặng Văn Q và Đỗ Văn Th đã cấu thành tội “Chứa mại dâm” với tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự và tội “Môi giới mại dâm” với tình tiết định khung “*Đối với 02 người trở lên*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự, hành vi của các bị cáo Triệu Thị N, Đỗ Văn T2, Lò Văn T1 đã cấu thành tội “Chứa mại dâm” với tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự, hành vi của bị cáo Đỗ Văn T4 đã cấu thành tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Vì vậy bị cáo Đặng Văn Q bị VKSND tỉnh Lào Cai truy tố về các tội “*Chứa mại dâm*” và “*Môi giới mại dâm*” theo điểm c, g khoản 2 Điều 327 và điểm đ khoản 2 Điều 328 BLHS, bị cáo Đỗ Văn Th bị VKSND tỉnh Lào Cai truy tố về các tội “*Chứa mại dâm*” và tội “*Môi giới mại dâm*” theo điểm c khoản 2 Điều 327 và điểm đ khoản 2 Điều 328 BLHS, bị cáo Triệu Thị N bị VKSND tỉnh Lào Cai truy tố về tội “*Chứa mại dâm*” theo điểm c, g khoản 2 Điều 327 BLHS, bị cáo Đỗ Văn T2 và Lò Văn T1 bị VKSND tỉnh Lào Cai truy tố về tội “*Chứa mại dâm*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 BLHS và bị cáo Đỗ Văn T4 bị VKSND tỉnh Lào Cai truy tố về tội “*Chứa mại dâm*” quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai chỉ truy tố các bị cáo Đỗ Văn Th, Đỗ Văn Thành, Lò Văn T1 về tội “Chứa mại dâm” với tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự là chưa đúng. Tòa án nhân dân tỉnh đã trả hồ sơ yêu cầu VKS truy tố bổ sung nhưng VKSND tỉnh giữ nguyên quan điểm. Căn cứ vào Điều 298 BLTTHS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử các bị cáo theo cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Về trách nhiệm hình sự:

[3.1]. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ nhận thức, hiểu biết xã hội và pháp luật. Mặc dù biết rõ hành vi chứa mại dâm, môi giới mại dâm bị nhà nước nghiêm cấm nhưng chỉ vì lợi ích cá nhân, vì muốn có tiền để thỏa mãn nhu cầu vật chất của mình, các bị cáo Đặng Văn Q, Đỗ Văn Th đã thực hiện hành vi Chứa mại dâm và Môi giới mại dâm; các bị cáo Triệu Thị N, Đỗ Văn T2, Lò Văn T1, Đỗ Văn T4 đã thực hiện hành vi Chứa mại dâm. Hành vi của các bị cáo Đặng Văn Q, Triệu Thị N, Đỗ Văn T2, Đỗ Văn Th, Lò Văn T1 thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo Đỗ Văn T4 thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm vào công tác quản lý, trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng tới nếp sống văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo đúng quy định của pháp luật.

Đây là vụ án có nhiều bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, có tính chất đồng phạm giản đơn; vai trò của các bị cáo được xác định như sau: Bị cáo Đặng Văn Q là người khởi xướng, rủ rê, tuyển và điều động gái đi bán dâm nên là người giữ vai trò và chịu trách nhiệm chính; bị cáo Triệu Thị N sau khi Q tuyển gái bán dâm về đã tổ chức cho ăn nghỉ, đưa gái bán dâm đi bán dâm; bị cáo Đỗ Văn T2 là người lo, bố trí phòng cho gái bán dâm thực hiện hành vi mua bán dâm, thu tiền của khách mua dâm; các bị cáo Đỗ Văn Th, Lò Văn T1 là người đưa khách đi bán dâm tại nhà nghỉ, Đỗ Văn T4 là người đã bố trí phòng để cho gái bán dâm thực hiện hành vi mua bán dâm ngày 08/8/2022 nên các bị cáo chịu trách nhiệm với vai trò là người thực hành.

[3.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị bắt, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều T2 khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo Đỗ Văn T4 có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huân chương giải phóng; Lò Văn T1 có ông nội được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng nhất; Triệu Thị N có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến Hạng ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có một mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và lấy đó làm bài học cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về ý kiến đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy là nhẹ, không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nên không được chấp nhận.

[3.4] Trong vụ án này, ngoài hành vi phạm tội đã bị truy tố xét xử, quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn Q và các đồng phạm đã khai nhận trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến trước ngày 08/8/2022 các bị cáo còn nhiều lần thực hiện hành vi môi giới mại dâm. Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai không chấp nhận và giữ nguyên quan điểm nên Hội đồng xét xử yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai xem xét tiếp tục khởi tố, điều tra và xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về Hình phạt bổ sung: Xét thấy hành vi chứa mại dâm của bị cáo Đặng Văn Q phải áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền; các bị cáo Triệu Thị N, Đỗ Văn T2, Đỗ Văn Th, Lò Văn T1, Đỗ Văn T4 đều là người giữ vai trò sau Đặng Văn Q, các bị cáo đều không có điều kiện về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 02 bao cao su và 02 vỏ bao cao su thu giữ tại phòng 302 và 303 nhà nghỉ T2An ngày 08/8/2022”; 09 bao cao su có in dòng chữ “Water&Lotus” chưa sử dụng; 29 bao cao su chưa sử dụng thu giữ tại phòng 201, 202 và 01 bao cao su đã sử dụng thu giữ tại nhà nghỉ Hồng Kông Vi Vi; 28 chiếc bao cao su chưa sử dụng vỏ bao màu hồng có chữ S.W.M và nhiều chữ Trung Quốc; 10 chiếc bao cao su chưa sử dụng cùng nhãn hiệu “Water&Lotus”; 17 chiếc bao cao su chưa qua sử dụng bên ngoài có chữ S.W.M vỏ bao màu hồng; 01 hộp giấy màu hồng có số “002” bên trong có 10 chiếc bao cao su nhiều loại khác nhau, chưa qua sử dụng.

- 13 chiếc bao cao su nhiều loại khác nhau chưa sử dụng; 01 hộp giấy màu hồng có số “002” bên trong có 77 chiếc bao cao su nhiều loại khác nhau chưa sử dụng; 02 hộp giấy màu hồng có chữ “002”; 01 hộp bên trong có 22 chiếc bao cao su nhiều loại khác nhau chưa sử dụng; 01 hộp bên trong có 18 chiếc bao cao su nhiều loại khác nhau chưa sử dụng; 06 chiếc bao cao su nhiều loại khác nhau; 01 thùng giấy có nhiều chữ nước ngoài, bên trong có 24 hộp giấy có số “002”.

- 01 hộp giấy có chữ “002-Water Elotus” bên trong có 08 chiếc bao cao su nhiều loại khác nhau chưa sử dụng; 04 bao cao su chưa sử dụng; 01 hộp giấy màu hồng có chữ “002-Water Elotus” bên trong có 34 chiếc bao cao su chưa sử dụng; 01 hộp giấy có 27 bao cao su; 01 hộp giấy “002-Water Elotus” bên trong có 34 bao cao su chưa sử dụng; 01 hộp giấy có chữ “002-Water Elotus” chưa bóc nilon bên ngoài; 96 bao cao su nhãn hiệu Water & Lotus chưa qua sử dụng.

Đây là những vật chứng của vụ án, không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy

- 01 túi xách giả da màu đen bên trong có 01 CCCD; 01 thẻ ATM Viettinbank đều mang tên Tòng Thị T6; 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng kèm theo 01 sim điện thoại mạng Mobifone của Tòng Thị T6;

- 01 điện thoại OPPO A1K màu đỏ đã qua sử dụng của Lò Thị Thi;

- 01 điện thoại Samsung Galaxy J8 màu đen là của Lò Thị H7;

- 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng vàng; 01 điện thoại Redmi màu đen của Triệu Thị M1;

- 01 điện thoại OPPO màu đen của Phạm Xuân T8;

- 01 CCCD mang tên Đỗ Thị B3; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 10 màu hồng bên trong máy có lắp 02 sim Viettel là của Đỗ Thị B3;

- 01 thẻ CCCD mang tên Nguyễn Đức D5;

Đây là tài sản, giấy tờ tùy thân của những người liên quan trong vụ án, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại.

- 01 điện thoại Iphone 6 màu bạc; 01 điện thoại Iphone XS màu đen ; 01 điện thoại Iphone 6S Plus màu bạc; 01 điện thoại Iphone 6S màu trắng hồng; 01 điện thoại Iphone 6S màu trắng vàng; 01 điện thoại 11 Pro Max màu vàng; 01 điện thoại Iphone X màu đen; 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu trắng đen đều là của Đặng Văn Q;

- 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max màu xanh và 01 điện thoại Vinsmart Joy4 màu xanh là của Triệu Thị N;

- 01 điện thoại di động OPPO A16 màu xanh bên trong điện thoại có lắp 01 sim Viettel; 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng bên trong điện thoại có lắp 01 sim; 01 sim điện thoại Viettel của Đỗ Văn Th;

- 01 điện thoại di động hiệu Realme C112021 màu xanh bên trong điện thoại có lắp 01 sim của Lò Văn Thuận;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh biển số 21E1-388.31 kèm theo 01 chìa khóa xe máy; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ biển số 21E1-562.05 kèm theo 01 chìa khóa xe máy; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Đặng Văn Q; 01 điện thoại Nokia 105 loại có bàn phím đã qua sử dụng thu giữ tại nhà của Đặng Văn Q; 01 điện thoại Nokia loại có bàn phím thu giữ của Đỗ Văn Thành.

- 01 điện thoại IPHONE X thu của Đỗ Văn T4.

Đây là các vật chứng của vụ án, có liên quan đến hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước, riêng 01 đăng ký xe mô tô mang tên Đặng Văn Q cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 6.874.000 đồng gửi tại tài khoản tạm giữ tại kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai có 1.040.000 đồng của Đỗ Văn T4 nên tạm giữ 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án, trả lại cho Đỗ Văn T4 840.000 đồng, số còn lại là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền do phạm tội mà có, cụ thể Đặng Văn Q 115.875.000 đồng, Đỗ Văn T2 26.000.000 đồng; Đỗ Văn Th 5.000.000 đồng, các bị cáo đã sử dụng hết nên cần truy thu để nộp ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn Q, Đỗ Văn Th phạm các tội “*Chứa mại dâm*” và tội “*Môi giới mại dâm*”; các bị cáo Triệu Thị N, Đỗ Văn T2, Lò Văn T1 và Đỗ Văn T4 phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

- Căn cứ điểm c, g khoản 2; khoản 5 Điều 327; điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 55 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Văn Q mức án 07 năm 06 tháng tù về tội Chứa mại dâm; 03 năm 06 tháng về tội Môi giới mại dâm, buộc bị cáo Đặng Văn Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 09/8/2022. Phạt bị cáo Đặng Văn Q 50.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 55 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Th mức án 06 năm 06 tháng tù về tội Chứa mại dâm; 03 năm tù về tội Môi giới mại dâm, buộc bị cáo Đỗ Văn Th phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 09/8/2022.

- Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Thị N mức án 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Chứa mại dâm. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn T1 mức án 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Chứa mại dâm. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 09/8/2022.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T2 mức án 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Chứa mại dâm. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/10/2022 đến ngày 17/01/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T4 mức án 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội Chứa mại dâm. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp

hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2022 đến ngày 17/01/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 01 bao cao su và vỏ bao cao su đã được cho vào 01 túi nilong màu trắng và đựng trong 01 phong bì in dòng chữ Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lào Cai và dán kín, mặt ngoài có ghi dòng chữ “01 bao cao su đã sử dụng và 01 vỏ bao cao su phát hiện thu giữ tại phòng 302 nhà nghỉ T2An ngày 08/8/2022”.

- 01 bao cao su và vỏ bao cao su đã được cho vào 01 túi nilong màu trắng và đựng trong 01 phong bì in dòng chữ Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lào Cai và dán kín, mặt ngoài có ghi dòng chữ “01 bao cao su đã sử dụng và 01 vỏ bao cao su phát hiện thu giữ tại phòng 303 nhà nghỉ T2An ngày 08/8/2022”.

- 09 bao cao su có in dòng chữ “Water&Lotus” chưa sử dụng.

- 17 bao cao su chưa sử dụng, niêm phong bằng cách cho vào bì thư của Phòng Cảnh sát hình sự sau đó dán kín, tại mép dán có chữ ký của những người tham gia niêm phong, một mặt ghi “17 bao cao su chưa sử dụng phát hiện, thu giữ tại phòng 201” (chỉ có chữ ký giáp lai, không có dấu niêm phong).

- 01 bao cao su đã sử dụng, 12 bao cao su chưa sử dụng niêm phong bằng cách cho vào một bì thư do Phòng Cảnh sát hình sự phát hành sau đó dán kín, tại mép dán có chữ ký của những người tham gia niêm phong, một mặt ghi “01 bao cao su đã sử dụng và 12 bao cao su chưa sử dụng phát hiện, thu giữ tại phòng 202” (chỉ có chữ ký giáp lai, không có dấu niêm phong).

- 14 chiếc bao cao su chưa sử dụng, vỏ bao màu hồng có chữ S.W.M và nhiều chữ Trung Quốc.

- 10 chiếc bao cao su chưa sử dụng cùng nhãn hiệu “Water&Lotus”.

- 17 chiếc bao cao su chưa qua sử dụng bên ngoài có chữ S.W.M vỏ bao màu hồng.

- 14 chiếc bao cao su chưa qua sử dụng vỏ bao màu hồng có chữ S.W.M và nhiều chữ Trung Quốc.

- 01 hộp giấy màu hồng có số “002”, bên trong có 10 chiếc bao cao su nhiều loại khác nhau, chưa qua sử dụng.

- 13 chiếc bao cao su nhiều loại khác nhau chưa sử dụng;

- 01 hộp giấy màu hồng có số “002” bên trong có 77 chiếc bao cao su nhiều loại khác nhau chưa sử dụng.

- 02 hộp giấy màu hồng có chữ “002”; 01 hộp bên trong có 22 chiếc bao cao su nhiều loại khác nhau chưa sử dụng; 01 hộp bên trong có 18 chiếc bao cao su nhiều loại khác nhau chưa sử dụng; 06 chiếc bao cao su nhiều loại khác nhau.

- 01 thùng giấy có nhiều chữ nước ngoài, bên trong có 24 hộp giấy có số “002” còn nguyên nilong chưa bóc được niêm phong theo quy định;

- 01 hộp giấy có chữ “002-Water Elotus” bên trong có 08 chiếc bao cao su nhiều loại khác nhau chưa sử dụng; 04 bao cao su chưa sử dụng; 01 hộp giấy màu hồng có chữ “002-Water Elotus” bên trong có 34 chiếc bao cao su chưa sử dụng; 01 hộp giấy có 27 bao cao su.

- 01 hộp giấy “002-Water Elotus” bên trong có 34 bao cao su chưa sử dụng.

- 01 hộp giấy có chữ “002-Water Elotus” chưa bóc lớp nilong bên ngoài.

- 13 bao cao su nhãn hiệu Water & Lotus chưa qua sử dụng; 19 bao cao su nhãn hiệu Water & Lotus chưa qua sử dụng.

- 20 bao cao su hiệu Water & Lotus chưa qua sử dụng; 26 bao cao su hiệu Water & Lotus chưa qua sử dụng; 18 bao cao su hiệu Water & Lotus chưa qua sử dụng.

*** Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:**

- 01 điện thoại Iphone X màu trắng được niêm phong bằng một bì thư do Phòng Cảnh sát hình sự phát hành, dán kín, mép dán có chữ ký của những người tham gia niêm phong, một mặt ghi “Điện thoại Iphone X màu trắng của Đỗ Văn T4” (chỉ có chữ ký giáp lai, không có dấu niêm phong).

- 01 điện thoại Iphone 6 màu bạc, máy có IMEI: 359305067997148 dung lượng 64GB thu giữ của Đặng Văn Q.

- 01 điện thoại Iphone XS màu đen, máy có IMEI: 356166092564078, dung lượng 64GB, mật khẩu “888888” thu giữ của Đặng Văn Q.

- 01 điện thoại Iphone 6S Plus màu bạc, máy có IMEI: 355735077876417 dung lượng 32GB, mật khẩu “000000” thu giữ của Đặng Văn Q.

- 01 điện thoại Iphone 6S màu trắng hồng, máy có IMEI: 356647089699399 dung lượng 32GB, mật khẩu “888888” thu giữ của Đặng Văn Q.

- 01 điện thoại Iphone 6S màu trắng vàng, máy có IMEI: 355420072291223 dung lượng 64GB, mật khẩu “666666” thu giữ của Đặng Văn Q.

- 01 điện thoại 11 Pro Max màu vàng, máy có IMEI: 353947101790280 dung lượng 64GB, mật khẩu “888888” thu giữ của Đặng Văn Q.

- 01 điện thoại Iphone X màu đen, máy có IMEI: 356741082265629 dung lượng 64GB, mật khẩu “888888” thu giữ của Đặng Văn Q.

- 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu trắng đen, máy có IMEI: 355357085344484 dung lượng 32GB thu giữ của Đặng Văn Q.

- 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 359308703656227 dung lượng 256GB, máy cài mật khẩu “918612” thu giữ của Triệu Thị N.

- 01 điện thoại Vinsmart Joy4 màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng số IMEI: 351088466446192 dung lượng 64GB thu giữ của Triệu Thị N.

- 01 điện thoại di động OPPO A16 màu xanh đã cũ, số IMEI: 866892053548254, số IMEI 2: 866892053548247, điện thoại lắp 01 sim Viettel có dãy số: 8984048000302934433 thu giữ của Đỗ Văn Th.

- 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu trắng hồng đã qua sử dụng, máy có số IMEI: 353293072576980, máy lắp 01 sim điện thoại có dãy số: 89840200011266904679; 01 sim điện thoại Viettel có dãy số: 898404800045686078 thu giữ của Đỗ Văn Th.

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đã qua sử dụng, biển số: 21E1 - 388.31 kèm theo 01 chìa khóa xe máy, số khung: RLHJA3909HY863771, số máy: JA39E-0843957 thu giữ của Đỗ Văn Th.

- 01 điện thoại di động hiệu Realme C112021 màu xanh đã qua sử dụng, máy có số IMEI 1: 968150052368852, số IMEI 2: 968150052368845, máy lắp 01 sim có dãy số: 8984048000300980820 thu giữ của Lò Văn Thuận.

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đã qua sử dụng, biển số: 21E1 - 562.05 kèm theo 01 chìa khóa xe máy, số khung: RLHJA3925MY293523, số máy: JA39E2418795 thu giữ của Lò Văn Thuận.

- 01 điện thoại Nokia 105 loại bàn phím đã qua sử dụng thu giữ của Đỗ Văn Thành.

- 01 điện thoại Nokia 105 loại bàn phím đã qua sử dụng thu giữ tại nhà của Đặng Văn Q.

- Số tiền 5.834.000 (Năm triệu T4 trăm ba mươi tư nghìn) đồng.

* **Tạm giữ để đảm bảo hi hành án:** 01 đăng ký xe mô tô số: 21007938 mang tên Đặng Văn Q, Số tiền 200.000 đồng của Đỗ Văn T4.

* **Trả lại cho:**

- Tòng Thị T6: 01 túi xách giả da màu đen bên trong có 01 căn cước công dân số 011190002611 cấp ngày 25/4/2021; 01 thẻ ATM Vietinbank số thẻ 9704150112488237 đều mang tên Tòng Thị T6; 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng số sê ri G6TW4A2BJCLJ kèm theo 01 sim điện thoại mạng Mobifone.

- Lò Thị Thi: 01 điện thoại OPPO A1K màu đỏ đã qua sử dụng IMEI: 863539047739373.

- Phạm Xuân T8: 01 điện thoại OPPO màu đen.

- Triệu Thị M1: 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng vàng; 01 điện thoại Redmi màu đen;

- Lò Thị H7: 01 điện thoại Samsung Galaxy J8 màu đen, máy có số sê ri R58K729Q20V, máy cũ đã qua sử dụng.

- Đỗ Thị B3: 01 CCCD số: 033187008232 mang tên Đỗ Thị B3; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 10 màu hồng, máy cũ đã qua sử dụng máy có số IMEI: 357452101696161, máy lắp 02 sim Viettel, sim 01 có dãy số: 8984048000040293888; sim 02 có dãy số: 898404800336600299.

- Nguyễn Đức Đ5: 01 thẻ CCCD số 015085010860 mang tên Nguyễn Đức Đ5.

- Đỗ Văn T4: Số tiền 840.000 (T4 trăm bốn mươi nghìn) đồng.

* **Truy thu số tiền:** 115.875.000 (một trăm mười lăm triệu T4 trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng của Đặng Văn Q; 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng của Đỗ Văn Thành; 5.000.000 (năm triệu) đồng của Đỗ Văn Th để nộp ngân sách nhà nước.

(Các vật chứng thể hiện chi tiết cụ thể theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/5/2023 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai; Biên bản giao nhận tài sản số 01/2023/BBBG-KBLC ngày 12/01/2023 kèm theo Phiếu nhập kho; Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 11/01/2023 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 18/5/2023).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Đặng Văn Q, Đỗ Văn Th, Triệu Thị N, Đỗ Văn T2, Lò Văn T1 và Đỗ Văn T4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Lào Cai;
- CQ CSĐT CA tỉnh Lào Cai;
- CQ THAHS CA tỉnh Lào Cai;
- Trại tạm giam Lào Cai;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Người QLNVLQ;
- THA Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh Quán